

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Thị Giang và ông Trần Văn Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 307/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Thanh T, Sinh năm: 1986

Cư trú: 225/5 ấp Đ, xã G, huyện T, Đồng Nai.

**Bị đơn:** Ông Trần Quốc Đ, Sinh năm: 1984

Cư trú: 225/5 ấp Đ, xã G, huyện T, Đồng Nai.

(Bà T xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2001, quyển số 01/2001, số 124.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau ba con chung nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, san sẻ với nhau, khó khăn về kinh tế càng khiến vợ chồng cãi nhau nhiều hơn. Bà T đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án để xin ly hôn với ông Đ, Tòa án cũng đã vận động, hòa giải vợ chồng đoàn tụ nên sau đó bà đã rút đơn để vợ chồng về chung sống, nhưng chỉ được một thời gian ngắn ông Đ vẫn không thay đổi cách sống mà càng ngày càng quá đáng hơn. Ông Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm và có lần còn đánh bà, ông Đ thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông Đ đã trầm trọng không thể hòa giải hàn gắn được, nếu cứ tiếp tục chung sống chỉ tạo môi trường sống không tốt cho con cái, tình cảm dành cho nhau không còn nên bà xin ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

- Về con chung: Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2005, Trần Thị Như Y, sinh ngày 03/6/2006. Bà đồng ý để ông Trần Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Bùi An K, sinh ngày 13/12/2007. Bà T và ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Bà T khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Bà T khai không có.

**\* *Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Quốc Đ vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên tại Biên bản làm việc ngày 29/3/202 ông Đ trình bày:***

Ông và bà Bùi Thị Thanh T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2001, quyển số 01/2001, số 124.

Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông vẫn còn tình cảm với bà T. Theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà vợ chồng cãi vã nhau chủ yếu từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Trước đây bà T đã nhiều lần nộp đơn nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Bùi An K, sinh ngày 13/12/2007. Ông đồng ý để bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2005, Trần Thị Như Y, sinh ngày 03/6/2006. Ông Đ, bà T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Ông Đ khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ khai không có.

**\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:***

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố

tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Bùi Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2005, Trần Thị Như Y, sinh ngày 03/6/2006 cho bà Bùi Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Bùi An K, sinh ngày 13/12/2007 cho ông Trần Quốc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà T, ông Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng dân sự:** Bà Bùi Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của bà với ông Trần Quốc Đ vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tổng Đ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Quốc Đ nhưng ông Đ đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay ông Đ vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Bà Bùi Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Nay bà T xin ly hôn với ông Đ, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thanh T thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông Đ đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi vã nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. vợ chồng thiếu sự quan tâm, san sẻ với nhau. Bản thân bà T cũng đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu xin

ly hôn với ông Đ nhưng vì tin tưởng ông Đ sẽ thay đổi và mong muốn gia đình được đoàn tụ, các con có đủ mẹ đủ cha nên sau đó bà đã rút đơn. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn giữa bà T, ông Đ vẫn không hóa giải được mà càng ngày càng trầm trọng hơn. Chính bản thân ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng ông mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được. Tình cảm của bà T dành cho ông Đ không còn nên bà xin được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho ông Đ, bà T có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng ông Đ vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay ông Đ cũng vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân ông Đ cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với bà T. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà T, ông Đ không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T, ông Đ đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông Đ.

**2.2. Về con chung:** Bà T, ông Đ đều thống nhất là giao cháu Trần Thị Quỳnh Như và Trần Thị Như Ý cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Bùi An Khang cho ông Đ nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2005, Trần Thị Như Y, sinh ngày 03/6/2006 mong muốn được chung sống với bà T và hiện đang trực tiếp chung sống với bà T. Cháu Trần Bùi An K, sinh ngày 13/12/2007, có nguyện vọng được chung sống với ông Đ và hiện đang trực tiếp chung sống với ông Đ. Bà T cũng thừa nhận ông Đ nuôi dưỡng cháu Khang tốt. Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2022 tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai thể hiện bà T, ông Đ từ có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu N, cháu Y và cháu K nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thị Quỳnh N và Trần Thị Như Y cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Bùi An K cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

**2.2.2. Bà T, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.**

**2.3. Về tài sản chung:** Bà T khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**2.4. Về nợ chung:** Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh T. Cho bà Bùi Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

**2. Về con chung:** Giao cho bà Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 14/02/2005, Trần Thị Như Y, sinh ngày 03/6/2006. Giao cho ông Trần Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Bùi An K, sinh ngày 13/12/2007.

Tạm thời bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Bùi Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 000812 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Hiền đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bà Bùi Thị Thanh T và ông Trần Quốc Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
  - VKSND huyện Trảng Bom;
  - UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai
- (Giấy đăng ký kết hôn ngày 21/10/2004, số 124, quyền số 01/2004);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
  - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Như Quỳnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Giang

Trần Văn Ân

**Ngô Thị Như Quỳnh**









